

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H

Bản án số: 41/2024/HSST
Ngày: 29/5/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị O.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Nhật L -Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu T4 A - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/HSST ngày 03/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H đối với bị cáo: **Hoàng Khắc T** sinh năm: 1988; HKTT: thôn Đ, xã H2, huyện K, tỉnh H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Hoàng Khắc S (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1963; Vợ: Đỗ Thị Diệu Q, sinh năm: 1994; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; **Tiền sự:** Không. **Tiền án:** Ngày 18/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm 6 tháng tù giam, về tội: Cố ý gây thương tích. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2022. Bị cáo T bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/02/2024. (Có mặt tại phiên toà).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh anh Vũ Tiến T3, sinh năm: 1979 ở thôn V, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt);

- **Những người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thu Tr, sinh năm 2004; Trú tại: thôn V, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

2. Chị Đỗ Thị Diệu Q, sinh năm 1994; Trú tại: thôn V1, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

3. Anh Hoàng Khắc T4, sinh năm 1985 Trú tại: thôn V1, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1966; Trú tại: thôn Đ, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

5. Anh Hoàng Tuấn A1, sinh năm 1987; Trú tại thôn K1, xã Đ1, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 11/10/2023, Công an huyện K nhận được tố giác của anh Vũ Tiến T3, sinh năm 1979 ở thôn V, xã H2, huyện K về việc từ tháng 10/2022 đến tháng 7/2023, anh T3 vay của Hoàng Khắc T tổng số tiền 180.000.000đ với lãi suất dao động từ 4.000đ/01 triệu/01 ngày đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Anh T3 và T thống nhất cứ 10 ngày anh T3 phải trả tiền lãi 01 lần, bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả trực tiếp. Tuy nhiên, có thời điểm do anh T3 chưa có tiền trả lãi nên việc trả lãi không đúng hạn 10 ngày. Cụ thể như sau:

- Ngày 10/11/2022: T đã cho anh T3 vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/ngày (T3ong ứng với lãi suất là 182,5%/năm). Đến ngày 05/01/2023, T đã thu được 55 ngày tiền lãi của anh T3 với tổng số tiền là: $30 \times 55 \times 5.000đ = 8.250.000đ$.

- Ngày 05/01/2023: T cho anh T3 vay thêm số tiền 20.000.000đ, cộng với số tiền gốc là 30.000.000đ của khoản vay ngày 10/11/2022, tổng số tiền T cho anh T3 vay là 50.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày (tương ứng với lãi suất là 182,5%/năm). Đến ngày 15/01/2023, T đã thu 11 ngày tiền lãi của anh T3 với tổng số tiền là: $50 \times 11 \times 5.000đ = 2.750.000đ$.

- Ngày 15/01/2023: T cho anh T3 vay thêm số tiền 30.000.000đ, cộng với số tiền gốc là 50.000.000đ của khoản vay ngày 05/01/2023, tổng số tiền T cho anh T3 vay là 80.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày (tương ứng với lãi suất là 182,5%/năm). Đến ngày 07/02/2023, T đã thu được 60.000.000đ tiền nợ gốc và 20 ngày tiền lãi của anh T3 với tổng số tiền là: $80 \times 20 \times 5.000đ = 8.000.000đ$.

- Ngày 07/02/2023: T cho anh T3 vay thêm số tiền 10.000.000đ, cộng với số tiền gốc là 20.000.000đ của khoản vay ngày 15/01/2023, tổng số tiền T cho anh T3 vay là 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày (tương ứng với lãi suất là 146%/năm). Đến ngày 26/3/2023, T đã thu 50 ngày tiền lãi của anh T3 với tổng số tiền là: $30 \times 50 \times 4.000đ = 6.000.000đ$.

- Ngày 26/3/2023: T cho anh T3 vay thêm số tiền 20.000.000đ, cộng với số tiền gốc là 30.000.000đ của khoản vay ngày 07/02/2023, tổng số tiền T cho anh T3 vay là 50.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày. Đến ngày 27/7/2023, T đã thu 120 ngày tiền lãi của anh T3 với tổng số tiền là: $50 \times 120 \times 4.000đ = 24.000.000đ$. Đối với khoản vay này, sau khi thu được 120 ngày tiền lãi, T không tiếp tục thu tiền lãi và anh T3 chỉ còn nợ T số tiền gốc là: 50.000.000đ.

- Ngày 14/3/2023: T đã cho anh T3 vay số tiền là 70.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày. Đến ngày 17/7/2023, T đã thu 120 ngày tiền lãi của anh T3 với

tổng số tiền là: $70 \times 120 \times 4.000đ = 33.600.000đ$. Đối với khoản vay này, sau khi thu được 120 ngày tiền lãi T không tiếp tục thu lãi, tiền gốc 70.000.000đ. của khoản vay này T cũng chưa nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc đến nay anh T3 còn nợ T là 120.000.000đ.

Tổng số tiền lãi mà T đã thu được của anh T3 trong toàn bộ quá trình cho vay là: $8.250.000 + 2.750.000đ + 8.000.000 + 6.000.000đ + 24.000.000đ + 33.600.000đ = 82.600.000đ$.

Số tiền lãi tối đa trong giao dịch dân sự khi cho vay giữa T và anh T3 theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) như sau:

- Đối với số tiền vay 30.000.000đ đồng ngày 10/11/2022 là:

$20\% \times 30.000.000đ: 365 \times 55 = 904.110đ$

- Đối với số tiền vay 50.000.000đ ngày 05/01/2023 là:

$20\% \times 50.000.000đ: 365 \times 11 = 301.370đ$.

- Đối với số tiền vay 80.000.000đ ngày 15/01/2023 là:

$20\% \times 80.000.000đ: 365 \times 20 = 876.712đ$

- Đối với số tiền vay 30.000.000đ ngày 07/02/2023 là:

$20\% \times 30.000.000đ: 365 \times 50 = 821.918đ$.

- Đối với số tiền vay 50.000.000đ ngày 26/03/2023 là:

$20\% \times 50.000.000đ: 365 \times 120 = 3.287.671đ$

- Đối với số tiền vay 70.000.000đ ngày 14/03/2023 là:

$20\% \times 70.000.000đ: 365 \times 120 = 4.602.740đ$.

Tổng số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định là: $904.110đ + 301.370đ + 876.712đ + 821.918đ + 3.287.671đ + 4.602.740đ = 10.794.521đ$.

Tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho vay là: $82.600.000đ - 10.794.521đ = 71.805.479đ$. T đã sử dụng số tiền này để chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Khi vay tiền và trả lãi theo thỏa thuận với T, anh T3 gặp trực tiếp T hoặc sử dụng khoản của anh T3 số 9355438836 mở tại Ngân hàng Vietcombank để giao dịch hoặc anh T3 nhờ con gái của mình là chị Vũ Thu Tr, sinh năm 2004 ở thôn V, xã H2, huyện K sử dụng tài khoản của chị Tr số 1023030861 mở tại Ngân hàng Vietcombank để nhận tiền vay và chuyển trả tiền lãi đến tài khoản của T số 0983807999 mở tại Ngân hàng Sacombank. Ngoài ra, T có nhờ một số người thân của T sử dụng số tài khoản của Ngân hàng khác để nhận tiền lãi khi anh T3 và chị Tr chuyển tiền gồm: Tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 1021000013977 của chị Đỗ Thị Diệu Q, sinh năm 1994 ở thôn V1, xã H2, huyện K (là vợ của T); Tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 10564788888 của anh Hoàng Khắc T4, sinh năm 1985 ở thôn V1, xã H2, huyện K (là anh trai của T); Tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 108878514026 của bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1966 ở thôn Đ, xã H2, huyện K (là mẹ vợ của T) và Tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0591001867365 của Hoàng T4 Anh, sinh năm 1987 ở thôn K1, xã Đ1, huyện K (là bạn của T).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập và sao kê các tài khoản nêu trên. Kết quả: Giao dịch trong các sao kê phù hợp với các lần nhận, chuyển tiền theo thoả thuận giao dịch giữa anh T3 và T.

- Ngoài ra, trong đơn trình báo, anh T3 có nêu sự việc ngày 11/10/2023, gia đình anh T3 bị một đối tượng mặc quần áo mưa kín người ném chất bẩn vào hiên nhà, đồng thời cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng bên trong chứa 01 đoạn video chứa hình ảnh một nam giới mặc quần áo tối màu kín người, ném hai vật về phía trong nhà (Cơ quan điều tra đã niêm phong ký hiệu A1 để gửi đi giám định).

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra có thu giữ tại hiện trường nhiều mảnh vỡ thủy tinh có bám dính chất lỏng, nhờn, tối màu và chất lỏng, nhờn tối màu đựng trong chai nhựa nắp kín, đã được niêm phong gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 7601 ngày 25/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Mẫu chất lỏng trong chai nhựa và mẫu chất lỏng bám dính trên các mảnh thủy tinh màu nâu gửi giám định đều tìm thấy profenofos. Profenofos là thuốc trừ sâu thuộc nhóm lân hữu cơ, có liều gây chết trung bình (LD₅₀) đối với chuột qua đường miệng là 358 mg/kg thể trọng. Kèm theo kết luận giám định: Không. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu vật còn lại sau giám định. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng, tách ra để xử lý riêng vụ việc này.

Quá trình điều tra xác minh, xác định hành vi của một đối tượng ném chất bẩn vào hiên nhà anh T3 không có thiệt hại xảy ra. T khẳng định không liên quan đến sự việc trên. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/10/2023, anh T3 tiếp tục cung cấp cho Cơ quan điều tra, 01 chiếc USB bên trong chứa 03 file video ghi lại hình ảnh T cùng một số người lạ mặt đến nhà anh T3 vào ngày 06/8/2023. Cơ quan điều tra tiến hành cho T nhận diện người trong video, T đã nhận diện và khẳng định trong video có T đi cùng 05 người thanh niên khác nhưng T chỉ biết có C ở Yên Mỹ (không rõ tên cụ thể, địa chỉ cụ thể), những người còn lại là bạn của C, T không biết là ai. Cơ quan điều tra đã niêm phong ký hiệu A3 để gửi đi giám định.

- Cùng ngày 12/10/2023, anh T3 cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc USB bên trong chứa 02 file ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa anh T3 với T vào các ngày 19/8/2023 và 20/8/2023. Anh T3 sử dụng số điện thoại 0354.824.891, T sử dụng số điện thoại 0338.650.856. Ngày 29/01/2024, Cơ quan điều tra đã cho T nghe và xác định đó là cuộc nói chuyện giữa T với anh T3, T nói chuyện với anh T3 để đòi tiền nợ. Cơ quan điều tra đã niêm phong ký hiệu A2 để gửi đi giám định.

- Ngày 22/02/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H giám định kỹ thuật số điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 66/KLKTHS ngày 05/3/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: Hình ảnh liên quan nội dung vụ việc được ghi

lại từ màn hình trình chiếu nên không xác định được các file video có bị cắt ghép chỉnh sửa không.

- Ngày 23/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an giám định âm thanh so sánh giọng nói của T trong file âm thanh do anh T3 giao nộp và file âm thanh ghi thu của T (mẫu so sánh).

Tại bản kết luận giám định số 1325/KLKTTHS ngày 19/3/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong mẫu cần giám định; tiếng nói của người nam thanh niên xưng “em” trong mẫu cần giám định và tiếng nói của T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Ngày 29/01/2024, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ giấy A4 là hợp đồng vay tiền có chữ viết, chữ số thoả thuận vay tiền giữa T và anh T3. Ngày 14/3/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H giám định tài liệu là chữ viết.

Tại bản kết luận giám định số 147/KLKTTHS ngày 18/3/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên T trong tài liệu cần giám định (giấy thu của T) so sánh chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh là các bản tự khai của T là của cùng một người ký và viết ra.

- Ngày 13/3/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã có Công văn đề nghị Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel cung cấp thông tin chủ sở hữu số thuê bao 0338.650.856 là sim do T sử dụng để nhắn tin, gọi điện đòi tiền anh T3. Ngày 01/4/2024, Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel có thông báo trả lời: Không có thông tin đăng ký chủ số thuê bao 0338.650.856.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKS - KC ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Hoàng Khắc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo T như tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS - KC ngày 02/5/2024 và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 357, Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015 để buộc T trả lại cho anh T3 số tiền thu lời bất chính là 71.805.479đ. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh T3 có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo T chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi chậm trả T3ong ứng với thời gian chậm trả.

Về biện pháp T3 pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015. Truy thu xung quỹ nhà nước đối với anh T3 số tiền gốc 120.000.000đ mà anh

T3 chưa trả cho T; Truy thu xung quỹ nhà nước đối với bị cáo T số tiền 10.794.521đ là tiền lãi T3ong ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS năm 2015 mà T đã thu được của anh T3 và 60.000.000đ tiền gốc mà anh T3 đã chuyển trả cho T.

[2]. Bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải. Được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bị cáo làm nghề tự do, khẳng định bị cáo có thể chấp hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định cho bị cáo được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

[3]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Tiến T3 và tất cả những người làm chứng là chị Đỗ Thị Diệu Q, anh Hoàng Khắc T4, bà Nguyễn Thị H3 và anh Hoàng T4 Anh và chị Vũ Thu Tr đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc bị dùng nhục hình, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2022 đến ngày 27/7/2023 tại xã H2, huyện K; Hoàng Khắc T đã cho anh Vũ Tiến T3 vay tổng số tiền là 180.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146% đến 182,5%/năm (cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm của khoản tiền cho vay). Tổng số tiền Hoàng Khắc T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 71.805.479đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ

30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ” quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS năm 2015. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 50/CT-VKS - KC ngày 02/5/2024 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi ngày 06/8/2023, T cùng với 05 người thanh niên chưa rõ nhân thân đến nhà anh T3 đòi tiền. Quá trình điều tra xác định không có căn cứ xử lý đối với T và 05 người thanh niên đi cùng với T.

Đối chi với chị Đỗ Thị Diệu Q, anh Hoàng Khắc T4, bà Nguyễn Thị H3 và anh Hoàng T4 Anh. Quá trình điều tra xác định: Khi T nhờ những người trên nhận, chuyển tiền từ anh T3, T không nói cho họ biết và những người này đều không biết nguồn gốc số tiền này do T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Sau khi nhận tiền, chị Q, anh T4, bà H3 và anh T4 Anh đã trả lại hết cho T nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội và làm cho nhiều gia đình vì vay lãi nặng mà lâm vào cảnh điêu đứng, khốn cùng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Bản thân bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, cần có mức án T3ong xứng đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Đánh giá nhân thân, tính chất mức độ hành vi và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị đưa ra xét xử 1 lần về tội “Cố ý gây thương tích”; Tính đến thời điểm phạm tội lần này thì T đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015; Khi T3ọng hình HĐXX cũng xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định và đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 357, Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015 để xử lý như sau: Đối với số tiền 71.805.479đ mà T chiếm đoạt bất hợp pháp từ việc

cho T3 vay với mức lãi suất cao vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định của BLDS năm 2015 thì cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh T3 có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo T chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi chậm trả T3ong ứng với thời gian chậm trả.

Về biện pháp T3 pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015. Đối với số tiền 180.000.000đ là tiền gốc được bị cáo T sử dụng cho anh T3 vay nhưng anh T3 mới trả được T 60.000.000đ, số tiền gốc còn lại là 120.000.000đ anh T3 vẫn còn nợ lại T. Nên cần truy thu của anh T3 số tiền 120.000.000đ và truy thu đối với T tổng số tiền 70.794.521đ (60.000.000đ tiền gốc anh T3 đã trả và 10.794.521đ là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS năm 2015 mà T đã nhận từ anh T3 để sung quỹ Nhà nước).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch là $71.805.479đ \times 5\% = 3.590.273đ$.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Khắc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Khắc T 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 357; Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015. Buộc bị cáo Hoàng Khắc T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Vũ Tiến T3, sinh năm 1979 ở thôn V, xã H2, huyện K số tiền chiếm đoạt bất hợp pháp từ việc cho T3 vay với mức lãi suất cao vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định của BLDS năm 2015 là 71.805.479đ (Bảy mươi một triệu tám trăm linh lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh T3 có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo T chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi chậm trả T3ong ứng với thời gian chậm trả.

Về biện pháp T3 pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015.

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với anh Vũ Tiến T3 số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo T tổng số tiền 70.794.521đ (Bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi T3 nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Khắc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.590.273đ (Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng) án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/5/2024), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi người vắng mặt thường trú./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện KC.
- VKSND tỉnh HY;.
- TAND tỉnh HY;
- CA huyện KC
- Bị cáo, người liên quan.
- UBND xã H2.
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu H1